

外國人轉換雇主或工作申請書(中越雙語版)

Đơn xin chuyển chủ hoặc công việc dành cho lao động nước ngoài

工作類別 Thể loại công việc : ☐ 1. 製造工作 ☐ 2. 營造工作 ☐ 3. 家庭看護工作 ☐ 4. 家庭幫傭工作 ☐ 5. 海洋漁撈工作 ☐ 6. 機構看護工作 ☐ 7. 屠宰工作 ☐ 8. 外展農務工作 ☐ 9. 外展製造工作 ☐ 10. 農、林、牧或養殖漁業工作 ☐ 11. 雙語翻譯工作 ☐ 12. 廚師及其相關工作 ☐ 13. 中階技術海洋漁撈工作 ☐ 14. 中階技術機構看護工作 ☐ 15. 中階技術家庭看護工作 ☐ 16. 中階技術製造工作 ☐ 17. 中階技術營造工作 ☐ 18. 中階技術外展農務工作 ☐ 19. 中階技術農業工作 ☐ 20. 多元陪伴照顧服務工作 ☐ 21. 廢棄物及資源物回收處理工作 Ngành nghề sản xuất Ngành nghề xây dựng Khán hộ công gia đình Giúp việc gia đình Nghề đánh cá trên biển Khán hộ công viện dưỡng lão Công việc giết mổ Công việc nông vụ ngắn hạn Công việc ngành sản xuất ngắn hạn Công việc ngành nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong ao, chăn nuôi Phiên dịch song ngữ Đầu bếp và công việc liên quan khác Nghề đi biển kỹ thuật trung cấp Khán hộ công viện dưỡng lão kỹ thuật trung cấp Khán hộ công gia đình kỹ thuật trung cấp Ngành sản xuất kỹ thuật trung cấp Ngành xây dựng kỹ thuật trung cấp Nông vụ ngắn hạn kỹ thuật trung cấp Ngành nông nghiệp kỹ thuật trung cấp Công việc dịch vụ chăm sóc đồng hành đa dạng Công việc xử lý chất thải và tái chế tài nguyên	申請項目：(公立就業服務機構專用) Hạng mục đăng ký：(Dành cho cơ quan dịch vụ việc làm của nhà nước) 核准外國人轉換雇主或廢止原雇主之聘僱許可，外國人經限期至公立就業服務機構辦理轉換雇主 Cấp giấy phép cho lao động chuyển chủ hoặc hủy bỏ giấy phép thuê lao động của chủ cũ, lao động thông qua cơ quan dịch vụ việc làm của nhà nước làm thủ tục chuyển đổi chủ thuê trong thời hạn quy định.
--	--

申請人 Người đăng ký		營利事業統一編號 Số đăng ký doanh nghiệp (身分證字號) (Số chứng minh nhân dân) (護照號碼) (Số hộ chiếu)																	
申請日期 Ngày đăng ký		年 月 日 Ngày tháng năm																	
申請轉出國別與人數 Số lượng người xin chuyển chủ và quốc tịch																			
泰國 (030) THÁI LAN	菲律賓 (024) PHILIPPINES	馬來西亞 (019) MALAYSIA	印尼 (009) INDONESIA	越南 (033) VIỆT NAM	蒙古 (021) MÔNG CỔ	男 Nam	女 nữ												

☐ 本申請案無委任私立就業服務機構辦理或

Vụ việc xin chuyển chủ này không có uỷ quyền cho cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân làm thủ tục hoặc

☐ 本申請案係委任私立就業服務機構辦理（請擇一勾選），並聲明本申請案所填寫資料及檢附文件等均屬實，如有虛偽，願負法律上之一切責任。

Vụ việc xin chuyển chủ này là uỷ quyền cho cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân làm thủ tục (chọn một trong hai loại), và cam kết tất cả các thông tin điền trong đơn xin này cùng với giấy tờ kèm theo là đúng sự thực, nếu sai sự thật, sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật.

申請人： (單位圖記)

Người đăng ký： (Dấu cơ quan)

通訊地址：

Địa chỉ liên hệ：

聯絡人： (簽章) 聯絡電話：()

Người liên hệ： (Đóng dấu ký tên) Điện thoại liên hệ：()-

受委任私立就業服務機構名稱： (單位圖記)

Tên cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân được uỷ quyền： (Dấu cơ quan)

許可證字號： 負責人： (簽章)

Số giấy phép chứng nhận： Người phụ trách： (Đóng dấu ký tên)

通訊地址：

Địa chỉ liên hệ：

專業人員： (簽名)

Nhân viên chuyên nghiệp： (Ký tên)

聯絡人： 聯絡電話：()

Người liên hệ： Điện thoại liên hệ：()-

(以下虛線範圍為公立就業服務機構收文專用區)

(Phần dưới đây là phần dành cho cơ quan dịch vụ việc làm của nhà nước thu nhận giấy tờ chuyên dùng)

收文章：

收文號：

Dấu thu nhận：

Mã số thu nhận：

應檢附文件：

Giấy tờ cần nộp:

☐ 1. 申請書。

Đơn đăng ký

☐ 2. 中央主管機關核准外國人轉換雇主或廢止原雇主之聘僱許可，並限期外國人轉換雇主或工作之證明文件。

Cơ quan chủ quản Trung ương cấp giấy phép cho lao động chuyển chủ hoặc hủy bỏ giấy phép thuê lao động của chủ cũ, và giấy tờ chứng nhận người lao động chuyển chủ hoặc công việc có thời hạn.

☐ 3. 外國人護照及居留證影本。

Hộ chiếu và thẻ cư trú của lao động bản copy

☐ 4. 外國人同意轉換雇主或工作之證明文件。

Giấy đồng ý chuyển chủ của lao động hoặc giấy xác nhận công việc